

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **429/2020/HNGĐ – ST**

Ngày 27- 11- 2020

V/v tranh chấp “Ly hôn”.

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ – TỈNH BẾN TRE**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thị Phê

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Huỳnh Ngọc Sơn.

Ông Nguyễn Văn Sơn.

***Thư ký phiên tòa:*** Ông Phạm Hữu Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 27 tháng 11 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 412/2020/TLST– HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 51/2020/QĐXXST–HNGĐ ngày 06 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2020/QĐST – HNGĐ ngày 17/11/2020 giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị Trần Thị L, sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp 2, xã HP, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Chị Trần Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt

*Bị đơn:* Anh Đinh Văn S, sinh năm 1972. Đăng ký thường trú: ấp 2, xã HP, huyện GT, tỉnh Bến Tre. Tạm trú: ấp PLPB, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Trần Thị L trình bày:*

Vào năm 1995 chị và anh Đinh Văn S được gia đình hai bên tổ chức đám cưới, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn Ủy ban nhân dân xã HP, huyện GT, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2009. Trong thời gian sống chung anh, chị có 02 con chung tên Đinh Thị P, sinh ngày 25/7/1997; Đinh Văn K, sinh ngày 27/6/1998, hiện nay con chung đã trưởng thành. Chị và anh S có tạo lập được tài sản chung là ngôi nhà tường kiên cố tại

xã Phú Khánh hiện nay do anh S đang trực tiếp quản lý sử dụng. Chị và anh S không có nợ chung.

Nguyên nhân chị xin ly hôn: Sau khi cưới nhau vợ chồng sống rất hạnh phúc. Khoảng năm 2016 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thường xuyên cự cãi nhau nên chị đã bỏ nhà đi làm tại thành phố Hồ Chí Minh. Do đó từ năm 2016 cho đến nay chị và anh S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Chị và gia đình hai bên đã nhiều lần khuyên ngăn hàn gắn tình cảm gia đình nhưng không thành. Do tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị có yêu cầu như sau:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Đinh Văn S. Chị không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

Về con chung: Đã trưởng thành nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị và anh S tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Đinh Văn S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh Đinh Văn S vẫn vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Đây là vụ án “Tranh chấp ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Đinh Văn S hiện có sinh sống tại ấp PLPA, xã K, huyện P, tỉnh Bến Tre do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Chị Trần Thị L có yêu cầu xét xử vắng mặt, anh Đinh Văn S đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng anh S vẫn vắng mặt không có lý do, vì vậy căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với chị Trần Thị L và anh Đinh Văn S.

[4] Về hôn nhân: chị Trần Thị L và anh Đinh Văn S kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc, cả hai có đủ điều kiện kết hôn. Việc kết hôn có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã HP, huyện GT, tỉnh Bến Tre và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/4/2009. Vì vậy quan hệ hôn nhân của L và anh S được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Nguyên nhân chị L

xin ly hôn với anh S là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không còn sống chung từ năm 2016 cho đến nay. Xét thấy: Hiện nay chị L và anh S không còn sống chung, không còn quan tâm chăm sóc cho nhau. Mặc khác anh S vẫn sinh sống ở địa phương, biết rõ việc chị L xin ly hôn với anh, Tòa án đã tạo điều kiện để chị L và anh S hòa giải hàn gắn tình cảm nhưng anh S vắng mặt không có lý do nên từ đó có căn cứ kết luận tình trạng mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị L, anh S đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị L là phù hợp.

[5] Do chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về con chung: Chị Trần Thị L và anh Đinh Văn S có 02 con chung tên Đinh Thị P, sinh ngày 25/7/1997; Đinh Văn K, sinh ngày 27/6/1998, hiện nay con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung: Do chị Trần Thị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về nợ chung: Chị Trần Thị L trình bày không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[9] Chị Trần Thị L phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

[10] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39, 147, điểm a, b, khoản 2 Điều 227, 228, 238, Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị Trần Thị L. Chị Trần Thị L được ly hôn với anh Đinh Văn S. Chị Trần Thị L không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn nên không xem xét giải quyết.

2. Về con chung: Con chung tên Đinh Thị P, sinh ngày 25/7/1997; Đinh Văn K, sinh ngày 27/6/1998, hiện nay con chung đã trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung: Do chị Trần Thị L không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Chị Trần Thị L trình bày không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Chị Trần Thị L phải nộp là 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003177 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú và đã nộp xong.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Đương sự;
- UBND xã HP, huyện GT, tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**  
(Đã ký)

**Huỳnh Thị Phê**



**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**Nguyễn Văn Sơn – Lê Văn Tài**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Huỳnh Thị Phê**







***Nơi nhận:***

- VKSND huyện;
- TA tỉnh;
- Đương sự;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Tân Phong;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**HUỲNH THỊ PHÊ**









**Caùc Hoài thaảm nhaân daân  
Chuû toãi phieân toaø**

**Thaảm phaùn –**

**Nguyễn Văn Chót – Phạm Minh Đạt**

**Huyønh Thò Pheâ**









